

Số: 62/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25/12/2023

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kiên

Ông Huỳnh Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09/10/2023 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/12/2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị NGUYỄN THỊ YẾN N, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2. **Bị đơn:** Anh TRAN TRONG T, sinh năm 1987

Địa chỉ: United States of America.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2023 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến N trình bày:

Chị Nguyễn Thị Yến N và anh Trần Trọng T tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của Việt Nam và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/3/2018, được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, chị N ở tại Việt Nam cho đến đầu năm 2022, chị N sang Hoa Kỳ chung sống với anh T được 01 năm. Trong thời gian này do cuộc sống sinh hoạt gia đình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng ít gần gũi nhau, đời sống chung không thể kéo dài nên chị N trở về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Trần Nguyễn Yến V, sinh ngày 02/11/2018 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong văn bản cung cấp thông tin đề ngày 17/11/2023 của bị đơn anh Trần Trọng T trình bày:

Anh T đồng ý ly hôn với chị N và giao con chung là Trần Nguyễn Yến V, sinh ngày 02/11/2018 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh T đang sinh sống tại Hoa Kỳ nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc tranh chấp ly hôn, nuôi con giữa chị Nguyễn Thị Yến N và anh Trần Trọng T thì chị N là công dân Việt Nam đang sinh sống tại Việt Nam, anh T mang quốc tịch Hoa Kỳ đang sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ nên quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết vụ việc là pháp luật Việt Nam được quy định tại khoản 2 Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ngày 17/11/2023, anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh và ngày 11/12/2023, chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T và chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Yến N và anh Trần Trọng T có đăng ký kết hôn vào ngày 12/3/2018 được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp Giấy chứng nhận kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Về tình nghĩa vợ chồng thì chị N và anh T phải có nghĩa vụ thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, thực tế cho thấy chị N và anh T không còn chung sống với nhau, mỗi người ở một nơi và có cuộc sống riêng, tình cảm vợ chồng không còn dẫn đến làm cho quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, chị N và anh T đồng ý thuận tình ly hôn với nhau. Do đó, theo yêu cầu của chị N xin ly hôn với anh T là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Yến N và anh Trần Trọng T có 01 con chung là cháu Trần Nguyễn Yến V, sinh ngày 02/11/2018 (giới tính nữ). Do điều kiện hiện nay cháu V đang sống chung với chị N và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con như: Môi trường chia sẻ của mẹ và con; sự ổn định, liên tục và giảm thiểu sự xáo trộn với môi trường sống và giáo dục của con; bảo đảm ổn định tâm lý và tình cảm của con gần gũi với mẹ. Do đó, cần thiết ưu tiên giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu V là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Anh N không trực tiếp tục con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng cho con thì chị N chưa có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng:

Chị Nguyễn Thị Yến N và anh Trần Trọng T đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Yến N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Yến N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Yến N được ly hôn với anh TRẦN TRỌNG T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Yến V, sinh ngày 02/11/2018 cho chị Nguyễn Thị Yến N tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chưa có yêu cầu giải quyết. Anh Trần Trọng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Yến N và anh Trần Trọng T đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Yến N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000407 ngày 09/10/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

[3] Về thời hạn kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Yến N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án. Anh Trần Trọng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa